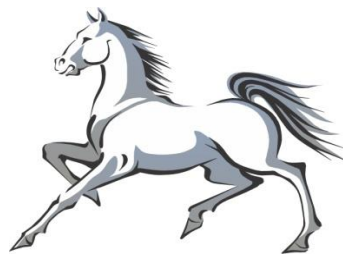


Năm	Số Tuổi	Tuổi	Sao	Hạn
2013	14 tuổi	Quý Tỵ	Thái Dương	Toán Tận
2012	15 tuổi	Nhâm Thìn	Vân Hán	Thiên La
2011	16 tuổi	Tân Mẹo	Kế Đô	Địa Vong
2010	17 tuổi	Canh Dần	Thái Âm	Diêm Vương
2009	18 tuổi	Kỷ Sửu	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
2008	19 tuổi	Mậu Tý	La Hầu	Tam Kheo
2007	20 tuổi	Đinh Hợi	Thổ Tú	Tam Kheo
2006	21 tuổi	Bính Tuất	Thủy Diệu	Ngủ Mộ
2005	22 tuổi	Ất Dậu	Thái Bạch	Thiên Tinh
2004	23 tuổi	Giáp Thân	Thái Dương	Toán Tận
2003	24 tuổi	Quý Mùi	Vân Hán	Thiên La
2002	25 tuổi	Nhâm Ngọ	Kế Đô	Địa Vong
2001	26 tuổi	Tân Tỵ	Thái Âm	Diêm Vương
2000	27 tuổi	Canh Thìn	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1999	28 tuổi	Kỷ Mẹo	La Hầu	Tam Kheo
1998	29 tuổi	Mậu Dần	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1997	30 tuổi	Đinh Sửu	Thủy Diệu	Ngủ Mộ
1996	31 tuổi	Bính Tý	Thái Bạch	Thiên Tinh
1995	32 tuổi	Ất Hợi	Thái Dương	Toán Tận
1994	33 tuổi	Giáp Tuất	Vân Hán	Thiên La
1993	34 tuổi	Quý Dậu	Kế Đô	Địa Vong
1992	35 tuổi	Nhâm Thân	Thái Âm	Diêm Vương
1991	36 tuổi	Tân Mùi	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1990	37 tuổi	Canh Ngọ	La Hầu	Tam Kheo
1989	38 tuổi	Kỷ Tỵ	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1988	39 tuổi	Mậu Thìn	Thủy Diệu	Thiên Tinh
1987	40 tuổi	Đinh Mão	Thái Bạch	Thiên Tinh
1986	41 tuổi	Bính Dần	Thái Dương	Toán Tận
1985	42 tuổi	Ất Sửu	Vân Hán	Thiên La
1984	43 tuổi	Giáp Tý	Kế Đô	Địa Vong
1983	44 tuổi	Quý Hợi	Thái Âm	Diêm Vương
1982	45 tuổi	Nhâm Tuất	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1981	46 tuổi	Tân Dậu	La Hầu	Tam Kheo
1980	47 tuổi	Canh Thân	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1979	48 tuổi	Kỷ Mùi	Thủy Diệu	Thiên Tinh
1978	49 tuổi	Mậu Ngọ	Thái Bạch	Toán Tận
1977	50 tuổi	Đinh Tỵ	Thái Dương	Toán Tận
1976	51 tuổi	Bính Thìn	Vân Hán	Thiên La
1975	52 tuổi	Ất Mão	Kế Đô	Địa Vong
1974	53 tuổi	Giáp Dần	Thái Âm	Diêm Vương

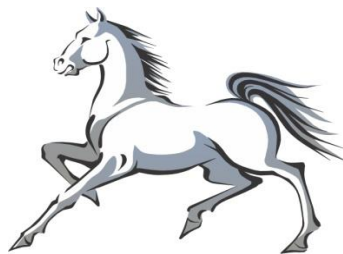
Bản Tra Sao Hạn Phái Nam Bính Ngọ 2026



Năm	Số Tuổi	Tuổi	Sao	Hạn
1973	54 tuổi	Quý Sửu	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1972	55 tuổi	Nhâm Tý	La Hầu	Tam Kheo
1971	56 tuổi	Tân Hợi	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1970	57 tuổi	Canh Tuất	Thủy Diệu	Thiên Tinh
1969	58 tuổi	Kỷ Dậu	Thái Bạch	Toán Tận
1968	59 tuổi	Mậu Thân	Thái Dương	Thiên La
1967	60 tuổi	Đinh Mùi	Vân Hán	Thiên La
1966	61 tuổi	Bính Ngọ	Kế Đô	Địa Vong
1965	62 tuổi	Ất Tỵ	Thái Âm	Diêm Vương
1964	63 tuổi	Giáp Thìn	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1963	64 tuổi	Quý Mão	La Hầu	Tam Kheo
1962	65 tuổi	Nhâm Dần	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1961	66 tuổi	Tân Sửu	Thủy Diệu	Thiên Tinh
1960	67 tuổi	Canh Tý	Thái Bạch	Toán Tận
1959	68 tuổi	Kỷ Hợi	Thái Dương	Thiên La
1958	69 tuổi	Mậu Tuất	Vân Hán	Địa Vong
1957	70 tuổi	Đinh Dậu	Kế Đô	Địa Vong
1956	71 tuổi	Bính Thân	Thái Âm	Diêm Vương
1955	72 tuổi	Ất Mùi	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1954	73 tuổi	Giáp Ngọ	La Hầu	Tam Kheo
1953	74 tuổi	Quý Tỵ	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1952	75 tuổi	Nhâm Thìn	Thủy Diệu	Thiên Tinh
1951	76 tuổi	Tân Mão	Thái Bạch	Toán Tận
1950	77 tuổi	Canh Dần	Thái Dương	Thiên La
1949	78 tuổi	Kỷ Sửu	Vân Hán	Địa Vong
1948	79 tuổi	Mậu Tý	Kế Đô	Diêm Vương
1947	80 tuổi	Đinh Hợi	Thái Âm	Diêm Vương
1946	81 tuổi	Bính Tuất	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1945	82 tuổi	Ất Dậu	La Hầu	Tam Kheo
1944	83 tuổi	Giáp Thân	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1943	84 tuổi	Quý Mùi	Thổ Tú	Thiên Tinh
1942	85 tuổi	Nhâm Ngọ	Thái Bạch	Toán Tận
1941	86 tuổi	Tân Tỵ	Thái Dương	Thiên La
1940	87 tuổi	Canh Thìn	Vân Hán	Địa Vong
1939	88 tuổi	Kỷ Mão	Kế Đô	Diêm Vương
1938	89 tuổi	Mậu Dần	Thái Âm	Huỳnh Tuyền
1937	90 tuổi	Đinh Sửu	Mộc Đức	Huỳnh Tuyền
1936	91 tuổi	Bính Tý	La Hầu	Tam Kheo
1935	92 tuổi	Ất Hợi	Thổ Tú	Ngủ Mộ
1934	93 tuổi	Giáp Tuất	Thủy Diệu	Thiên Tinh

Năm	Số Tuổi	Tuổi	Sao	Hạn
2013	14 tuổi	Quý Tỵ	Thổ Tú	Huỳnh Tuyền
2012	15 tuổi	Nhâm Thìn	La Hầu	Diêm Vương
2011	16 tuổi	Tân Mẹo	Thái Dương	Địa Võng
2010	17 tuổi	Canh Dần	Thái Bạch	Thiên La
2009	18 tuổi	Kỷ Sửu	Thủy Diệu	Toán Tận
2008	19 tuổi	Mậu Tý	Kế Đô	Thiên Tinh
2007	20 tuổi	Đinh Hợi	Vân Hán	Thiên Tinh
2006	21 tuổi	Bính Tuất	Mộc Đức	Ngũ Mộ
2005	22 tuổi	Ất Dậu	Thái Âm	Tam Kheo
2004	23 tuổi	Giáp Thân	Thổ Tú	Huỳnh Tuyền
2003	24 tuổi	Quý Mùi	La Hầu	Diêm Vương
2002	25 tuổi	Nhâm Ngọ	Thái Dương	Địa Võng
2001	26 tuổi	Tân Tỵ	Thái Bạch	Thiên La
2000	27 tuổi	Canh Thìn	Thủy Diệu	Toán Tận
1999	28 tuổi	Kỷ Mẹo	Kế Đô	Thiên Tinh
1998	29 tuổi	Mậu Dần	Vân Hán	Ngũ Mộ
1997	30 tuổi	Đinh Sửu	Mộc Đức	Ngũ Mộ
1996	31 tuổi	Bính Tý	Thái Âm	Tam Kheo
1995	32 tuổi	Ất Hợi	Thổ Tú	Huỳnh Tuyền
1994	33 tuổi	Giáp Tuất	La Hầu	Diêm Vương
1993	34 tuổi	Quý Dậu	Thái Dương	Địa Võng
1992	35 tuổi	Nhâm Thân	Thái Bạch	Thiên La
1991	36 tuổi	Tân Mùi	Thủy Diệu	Toán Tận
1990	37 tuổi	Canh Ngọ	Kế Đô	Thiên Tinh
1989	38 tuổi	Kỷ Tỵ	Vân Hán	Ngũ Mộ
1988	39 tuổi	Mậu Thìn	Mộc Đức	Tam Kheo
1987	40 tuổi	Đinh Mão	Thái Âm	Tam Kheo
1986	41 tuổi	Bính Dần	Thổ Tú	Huỳnh Tuyền
1985	42 tuổi	Ất Sửu	La Hầu	Diêm Vương
1984	43 tuổi	Giáp Tý	Thái Dương	Địa Võng
1983	44 tuổi	Quý Hợi	Thái Bạch	Thiên La
1982	45 tuổi	Nhâm Tuất	Thủy Diệu	Toán Tận
1981	46 tuổi	Tân Dậu	Kế Đô	Thiên Tinh
1980	47 tuổi	Canh Thân	Vân Hán	Ngũ Mộ
1979	48 tuổi	Kỷ Mùi	Mộc Đức	Tam Kheo
1978	49 tuổi	Mậu Ngọ	Thái Âm	Huỳnh Tuyền
1977	50 tuổi	Đinh Tỵ	Thổ Tú	Huỳnh Tuyền
1976	51 tuổi	Bính Thìn	La Hầu	Diêm Vương
1975	52 tuổi	Ất Mão	Thái Dương	Địa Võng
1974	53 tuổi	Giáp Dần	Thái Bạch	Thiên La

Bản Tra Sao Hạn Phái Nữ Bính Ngọ 2026



Năm	Số Tuổi	Tuổi	Sao	Hạn
1973	54 tuổi	Quý Sửu	Thủy Diệu	Toán Tận
1972	55 tuổi	Nhâm Tý	Kế Đô	Thiên Tinh
1971	56 tuổi	Tân Hợi	Vân Hán	Ngũ Mộ
1970	57 tuổi	Canh Tuất	Mộc Đức	Tam Kheo
1969	58 tuổi	Kỷ Dậu	Thái Âm	Huỳnh Tuyền
1968	59 tuổi	Mậu Thân	Thổ Tú	Diêm Vương
1967	60 tuổi	Đinh Mùi	La Hầu	Diêm Vương
1966	61 tuổi	Bính Ngọ	Thái Dương	Địa Võng
1965	62 tuổi	Ất Tỵ	Thái Bạch	Thiên La
1964	63 tuổi	Giáp Thìn	Thủy Diệu	Toán Tận
1963	64 tuổi	Quý Mão	Kế Đô	Thiên Tinh
1962	65 tuổi	Nhâm Dần	Vân Hán	Ngũ Mộ
1961	66 tuổi	Tân Sửu	Mộc Đức	Tam Kheo
1960	67 tuổi	Canh Tý	Thái Âm	Huỳnh Tuyền
1959	68 tuổi	Kỷ Hợi	Thổ Tú	Diêm Vương
1958	69 tuổi	Mậu Tuất	La Hầu	Địa Võng
1957	70 tuổi	Đinh Dậu	Thái Dương	Địa Võng
1956	71 tuổi	Bính Thân	Thái Bạch	Thiên La
1955	72 tuổi	Ất Mùi	Thủy Diệu	Toán Tận
1954	73 tuổi	Giáp Ngọ	Kế Đô	Thiên Tinh
1953	74 tuổi	Quý Tỵ	Vân Hán	Ngũ Mộ
1952	75 tuổi	Nhâm Thìn	Mộc Đức	Tam Kheo
1951	76 tuổi	Tân Mão	Thái Âm	Huỳnh Tuyền
1950	77 tuổi	Canh Dần	Thổ Tú	Diêm Vương
1949	78 tuổi	Kỷ Sửu	La Hầu	Địa Võng
1948	79 tuổi	Mậu Tý	Thái Dương	Thiên La
1947	80 tuổi	Đinh Hợi	Thái Bạch	Thiên La
1946	81 tuổi	Bính Tuất	Thủy Diệu	Toán Tận
1945	82 tuổi	Ất Dậu	Kế Đô	Thiên Tinh
1944	83 tuổi	Giáp Thân	Vân Hán	Ngũ Mộ
1943	84 tuổi	Quý Mùi	Mộc Đức	Tam Kheo
1942	85 tuổi	Nhâm Ngọ	Thái Âm	Huỳnh Tuyền
1941	86 tuổi	Tân Tỵ	Thổ Tú	Diêm Vương
1940	87 tuổi	Canh Thìn	La Hầu	Địa Võng
1939	88 tuổi	Kỷ Mão	Thái Dương	Thiên La
1938	89 tuổi	Mậu Dần	Thái Bạch	Toán Tận
1937	90 tuổi	Đinh Sửu	Thủy Diệu	Toán Tận
1936	91 tuổi	Bính Tý	Kế Đô	Thiên Tinh
1935	92 tuổi	Ất Hợi	Vân Hán	Ngũ Mộ
1934	93 tuổi	Giáp Tuất	Mộc Đức	Tam Kheo